TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 24 - 02 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tham gia phiên tòa có:*** Ông Lê Viết Bình- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 618/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2020/QĐXX-ST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị H; sinh năm 1963, *(có mặt*).

Trú tại: Tổ dân phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

**** Bị đơn:*** Bà Trần Thị Thanh H1; sinh năm 1963, *(có đơn xin vắng mặt*).

Trú tại: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Do tình cảm bạn bè quen biết với nhau, nên nguyên đơn có cho cá nhân bị đơn vay tổng số tiền = 322.400.000đồng, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 04/5/2017 vay 100.000.000đồng;

Lần 2: Vào ngày 11/5/2017 vay 200.000.000đồng, (cả hai lần vay này bị đơn đều

có viết giấy xác nhận nợ và hẹn đến ngày 30/10/2017 sẽ trả);

Lần 3: (không nhớ thời gian), bị đơn vay tiếp 22.400.000đồng (lần này do tin tưởng nên không viết giấy tờ gì).

Đến hạn bị đơn không trả được nên ngày 29-10-2018 bị đơn xin khất nợ và có viết giấy khất nợ, trong giấy có ghi tổng 3 khoản vay = 322.400.000đồng, hẹn đến ngày 30/11/2018 sẽ trả. Sau một thời gian dài nguyên đơn đòi nợ, nhưng bị đơn không chịu trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn (bà Trần Thị Thanh H1) phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là: 322.400.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, bị đơn bà Trần Thị Thanh H1 trình bày:***

Bà xác nhận: Bà có vay của bà Phạm Thị H, 03 lần tiền tổng cộng là: 322.400.000đồng, như nguyên đơn đã khai là đúng sự thật. Do làm ăn bị thua lỗ nên không có điều kiện trả nợ được. Nay bà H khởi kiện, bà xác định: Đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà và bà chấp nhận sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc vay là 322.400.000đồng. Nhưng do hoàn cảnh bà đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, nên khi nào có điều kiện bà sẽ trả cho bà H và đồng thời bà cũng đề nghị bà H không tính tiền lãi trong thời gian vay.

** Do bị đơn đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, nên không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã hoàn tất thủ tục và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:***

- *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng quy định của pháp luật, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn.

- *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] ***Về tố tụng:***

- Đây là vụ án: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án nhân dân chấp nhận. Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo thủ tục quy định chung.

[2] ***Về nội dung tranh chấp:***

[2.1] Xét việc vay nợ tiền giữa nguyên đơn với bị đơn là có thật, được thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 4-5-2017; đề ngày 11-5-2017 và giấy khất nợ đề ngày 29-10-2018, có chữ ký và viết tên: Trần Thị Thanh H1, chứng cứ đã được kiểm tra công khai (bút lục 31). Khi viết giấy khất nợ, bị đơn hẹn đến ngày 30/11/2018 bị đơn sẽ trả. Sau đó nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số nợ gốc là: 322.400.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 322.400.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.2] ***Về lãi suất:*** Trong giấy vay tiền không thể hiện hai bên có thỏa thuận tính lãi suất. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] ***Về án phí:*** Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bị đơn phải chịu án phí DSST, cụ thể được tính như sau: 322.400.000đồng x 5% = 16.120.000đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; khoản 1 Điều 184; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H.***

**** Tuyên xử:***

1. Buộc bà Trần Thị Thanh H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là: 322.400.000đồng *(ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).*

** Về lãi suất:* Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

2. ***Về án phí:***

- Bà Trần Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 16.120.000đồng, *(mười sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).*

- Hoàn trả bà Phạm Thị H, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 8.060.000đồng theo biên lai số AA/2019/0004881 ngày 26-09-2019 của Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- Lưu hồ sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An